

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH A**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2020/HS-ST

Ngày: 28/8/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C - TỈNH A**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hữu Lộc.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thành;
2. Ông Nguyễn Văn Hải.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Út – Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh A.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh A tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Cường – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 25/2020/TLST-HS ngày 06/8/2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 25/2020/QĐXXST-HS ngày 14/8/2020 đối với:

- Bị cáo: **T D** sinh năm: 1995, tại A. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: ấp R, xã Đ, huyện C, tỉnh A; số CMND: 301537404; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hóa: 01/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trần Văn Minh, sinh năm: 1967 và bà Văn Thị Xuyên, sinh năm: 1971; tiền sự: không; tiền án: có 03 tiền án: Bản án số 01/2012/HS-ST ngày 04/01/2012 của Tòa án nhân dân huyện C xử phạt T D 01 năm cải tạo không giam giữ về tội “Trộm cắp tài sản”; Bản án số 08/2013/HS-ST ngày 29/01/2013 của Tòa án nhân dân huyện C xử phạt T D 01 năm 05 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; Bản án số 12/2015/HS-PT ngày 27/01/2015 của Tòa án nhân dân tỉnh A xử phạt T D 04 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” (chấp hành xong ngày 22/7/2018), chưa được xóa án tích; Bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ 25/5/2020 cho đến nay, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: S, sinh năm: 1976 (vắng mặt);

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: ấp N, xã Đ, huyện C, tỉnh A.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. K, sinh năm: 2006 (có mặt);

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: ấp N, xã Đ, huyện C, tỉnh A.

Người đại diện hợp pháp của K: Q, sinh năm: 1982 (có mặt);

Nơi ĐKHKT và chỗ ở hiện nay: ấp N, xã Đ, huyện C, tỉnh A.

2. L, sinh năm: 2005 (có mặt);

Nơi ĐKHKT và chỗ ở hiện nay: ấp R, xã Đ, huyện C, tỉnh A.

Người đại diện theo ủy quyền của L: T, sinh năm: 1983 (có mặt);

Nơi ĐKHKT và chỗ ở hiện nay: ấp R, xã Đ, huyện C, tỉnh A.

- Người làm chứng: Huỳnh Kim Thúy, sinh năm: 1985 (vắng mặt);

Nơi ĐKHKT và chỗ ở hiện nay: ấp N, xã Đ, huyện C, tỉnh A.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13 giờ 00 phút ngày 26/3/2020, K, sinh ngày 20/6/2006 đang chơi ở nhà L, sinh năm 2005, ngụ ấp R, xã Đ, K kêu L chở K đến nhà ông Đ (ông nội của K) ngụ ấp N, xã Đ để lấy đầu hút thuốc lá điện tử, L đồng ý và lấy xe mô tô biển kiểm soát 59L1-629.10 chở K đi. Đến nhà ông Đấu, K vào lấy đầu hút thuốc lá điện tử, rồi đi ra ngoài, phát hiện ở mái hiên bên phải có dựng 01 xe mô tô BKS 62F3 - 8589 của ông S, chìa khóa xe gắn sẵn trên xe. K lấy chai nhựa hút xăng trong xe mô tô của ông Sơn đổ qua xe của L và định mở pô xe mô tô của ông Sơn để đem bán phế liệu nhưng không có dụng cụ để mở. Sau đó, K nói với L trộm luôn xe của ông Sơn nhưng cả hai không biết nơi tiêu thụ. K và L thống nhất rủ T D cùng trộm, rồi đưa xe cho Dương tiêu thụ. L chở K đến trước cửa nhà của Dương, kêu Dương ra nói chuyện. K nói với Dương là nhà nội của K có mấy ông lái kobe gửi xe, chìa khóa xe có sẵn trên xe, ở đó không có ai, đi xuống lấy bán, Dương đồng ý. L chở K và Dương về nhà ông Đấu gặp Lê Tấn sinh năm 2011 (cháu nội ông Đấu) ở trước nhà nên K và Dương kêu Tấn ra bên ngoài hỏi chuyện, mục đích đánh lạc hướng cho L đi đến chỗ dựng xe, rồi lên xe chạy ra ngoài bờ đê, cách nhà ông Đấu khoảng 100 mét. L đưa xe trộm được cho Dương chạy. L qua xe của L chở K đi theo phía sau. Khi đến khu vực cầu ông Mít thuộc xã Long Hựu Tây, Dương đưa xe lại cho K điều khiển, rồi cả ba chạy xe về nhà của Dương. K hỏi chỗ bán xe, Dương nói không biết chỗ bán nên K nói bán xe vừa trộm được cho Dương với giá 1.000.000 đồng. Dương đồng ý và hứa sẽ đưa tiền sau, K đồng ý. Dương vào nhà lấy dụng cụ sửa xe và cùng với K tháo biển số, ốp nhựa bên ngoài ra, hộp xích xe, бага xe, bộ phận giảm thanh, ống ốp yếm trung tâm ném vào bụi cây gần đó, rồi dùng sơn màu xanh xịt vào lốc máy để thay đổi kiểu dáng xe mục đích chủ xe không nhận ra được. Sau đó, Dương dẫn xe ra dựng trước cửa nhà, L chở K về nhà. Đến 17 giờ cùng ngày, ông Sơn đến nhà ông Đấu lấy xe đi về, phát hiện xe đã bị mất nên đến Công an xã Đ trình báo. Qua làm việc, Dương, K và L thừa nhận hành vi trộm cắp xe mô tô BKS 62F3-8589 nêu trên.

Tại Bản kết luận về việc định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 27/KL-HĐĐGTS ngày 21/4/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện C kết luận giá trị xe mô tô biển số 62F3-8589 là 1.750.000 đồng.

- Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo khai: diễn biến hành vi phạm tội đúng như Cáo trạng nêu. Bị cáo bị truy tố đúng người, đúng tội, không oan sai.

- Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người đại diện hợp pháp thừa nhận Cáo trạng nêu đúng bản chất và diễn biến sự việc.

- **Cáo trạng số:** 25/QĐ-KSĐT ngày 06/8/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện C truy tố bị cáo T D về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi của bị cáo T D đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản". Qua phân tích, đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi, các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo T D phạm tội "Trộm cắp tài sản", áp dụng khoản 1 Điều 173, Điều 38, điểm s, khoản 1, Điều 51, Điều 50 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017, đề nghị xử phạt bị cáo từ 09 đến 12 tháng tù; đề nghị miễn hình phạt bổ sung là hình phạt tiền theo khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại không yêu cầu nên không xem xét.

Về vật chứng: 01 (một) xe mô tô không biển số, không bọc nhựa bên ngoài; 01 (một) biển số xe 62F3 – 8589; ốp nhựa chụp thân xe bên trái và bên phải; ốp nhựa phía trước xe; hộp xích xe; ba ga xe; bộ phận giảm thanh; ống ốp yếm trung tâm, tất cả đã trả lại cho chủ sở hữu.

Ý kiến của bị cáo đối với quyết định truy tố của Viện kiểm sát: Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình, bị cáo bị truy tố về tội “Trộm cắp tài sản” là đúng, không bị oan sai.

Lời nói sau cùng: Bị cáo đã nhận thức được hành vi sai trái của mình, bị cáo xin lỗi người bị hại. Bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo có điều kiện sớm trở về chăm sóc cha bị cáo đang bị bệnh.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện C, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện C, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2] Về nội dung vụ án: Do muốn có tiền để tiêu xài, ngày 26/3/2020 tại ấp N, xã Đ, huyện C, T D là người có tiền án về tội trộm cắp tài sản chưa được xóa án tích cùng với K và L, đã có hành vi lén lút chiếm đoạt 01 xe mô tô BKS 62F3-8589 của ông S với giá trị là 1.750.000 đồng.

[3] Xét thấy hành vi của bị cáo T D là nguy hiểm cho xã hội. Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, bị cáo thực hiện hành vi với lỗi cố ý trực tiếp. Bị cáo nhận biết tài sản hợp pháp của người khác là do công sức lao động làm ra

được pháp luật bảo vệ. Việc lợi dụng sự sợ hãi của chủ sở hữu, bị cáo lén lút chiếm đoạt là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn thực hiện, đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác, xâm phạm trật tự an toàn xã hội tại địa phương. Do đó, hành vi của bị cáo đủ cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" được quy định tại khoản 1, Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

[4] Bản thân bị cáo Dương có 03 tiền án về tội trộm cắp tài sản, được cách ly ra khỏi xã hội để răn đe, giáo dục nhưng vẫn tiếp tục phạm tội, điều này thể hiện bị cáo xem thường pháp luật. Xét tính chất nguy hiểm của hành vi cùng hậu quả vụ án và nhân thân bị cáo, cần phải áp dụng mức hình phạt tù, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để tiếp tục răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[5] Sau khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo, tài sản chiếm đoạt không lớn (1.750.000 đồng), bị cáo có trình độ học vấn thấp 01/12. Do đó, cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s, h khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

[6] Đối với tội trộm cắp tài sản, bị cáo còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Tuy nhiên, hiện nay bị cáo không có thu nhập ổn định và cũng không có tài sản riêng nên Hội đồng xét xử xét miễn cho bị cáo.

[7] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C đề nghị xét xử bị cáo về tội "Trộm cắp tài sản" là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[8] Đối với người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là K và L do tài sản chiếm đoạt chưa đủ định lượng truy cứu trách nhiệm hình sự và do chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự nên Cơ quan Cảnh sát điều tra công an huyện C không xem xét truy cứu trách nhiệm hình sự là phù hợp.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại không yêu cầu nên không xem xét.

[10] Về vật chứng: 01 (một) xe mô tô không biển số, không bọc nhựa bên ngoài; 01 (một) biển số xe 62F3 – 8589; ốp nhựa chụp thân xe bên trái và bên phải; ốp nhựa phía trước xe; hộp xích xe; ba ga xe; bộ phận giảm thanh; ống ốp yếm trung tâm, tất cả đã trả lại cho chủ sở hữu, chủ sở hữu không khiếu nại hay yêu cầu gì nên không xem xét.

[11] Về án phí: Bị cáo T D phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 99 của Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1, khoản 5 Điều 173; điểm s, h khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Căn cứ vào Điều 135; khoản 2 Điều 136; Điều 260; Điều 331; Điều 332 và Điều 333 Bộ luật tố tụng Hình sự;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[1] Tuyên bố: Bị cáo T D phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

[2] Xử phạt bị cáo T D 06 (sáu) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày bị cáo đi thi hành án.

[3] Miễn hình phạt bổ sung là hình phạt tiền cho bị cáo T D.

[4] Về án phí: Buộc bị cáo T D phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm sung quỹ Nhà nước.

[5] Về quyền kháng cáo Bản án: Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Người có QLVN liên quan (nếu có);
- TAND tỉnh A;
- VKSND tỉnh A;
- VKSND huyện C;
- Cơ quan CSĐT CA huyện C;
- Cơ quan THA Hình sự;
- Cơ quan THA dân sự huyện C;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Hữu Lộc